

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ  
vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030**

Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.

## ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;<sup>1</sup>*

## QUYẾT NGHỊ:

## Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn

<sup>1</sup> Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;”.*

đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến xây dựng, lập, thẩm định, phân bổ, giao, triển khai, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

## **Chương II**

### **NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

**Điều 3. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030**

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; phát huy vai trò đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để thu hút, huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển; tăng cường phân cấp, phân quyền, rà soát cắt giảm tối đa thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương, xóa bỏ quan liêu bao cấp, xóa bỏ cơ chế “xin - cho”.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của đất nước tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030 của quốc gia, các ngành, lĩnh vực, địa phương, kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, các quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm các chỉ tiêu cân đối vĩ mô, an toàn nợ công. Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, tính toán hợp lý cơ cấu nguồn lực ngân sách trung ương và địa phương, bảo đảm ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo; tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

5. Phân bổ vốn tập trung, không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án phải bảo đảm theo quy định tại Điều 57 của Luật Đầu tư công.

6. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành, phát huy hiệu quả các dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường bộ cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; các chương trình, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, năng lượng hạt nhân, nguyên tử, vi mạch bán dẫn; chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh.

7. Ưu tiên phân bổ vốn cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền trong cả nước.

8. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

- a)<sup>2</sup> Dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư công khẩn cấp;
- b) Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia;
- c) Hoàn trả vốn ứng trước;
- d) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;
- đ) Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, bao gồm cả vốn đối ứng;
- e) Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án BT bằng tiền;
- g) Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

---

<sup>2</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.

h) Dự án chuyên tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

i) Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030, vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031 - 2035);

k) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có);

l) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

m) Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

n) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn trong nước thuộc ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030**

1. Nguyên tắc phân bổ vốn thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Điều 3 của Nghị quyết này về các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn và các nguyên tắc cụ thể sau đây:

a) Vốn đầu tư công được bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư công của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công;

b) Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các Bộ, cơ quan trung ương và giữa các ngành, lĩnh vực; vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương; vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể tại khoản 6 Điều 3 của Nghị quyết này;

c) Vốn đầu tư công của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn giai đoạn 2026 - 2030:

a)<sup>3</sup> Dành tối đa không quá 30% vốn ngân sách trung ương để bổ sung có mục

---

<sup>3</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí

tiêu cho địa phương và được phân bổ theo ngành, lĩnh vực (không bao gồm vốn các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án được ngân sách trung ương phân bổ quy định tại điểm b khoản này);

b) Mức vốn ngân sách trung ương còn lại được phân bổ như sau:

- Phân bổ cho các Bộ, cơ quan trung ương theo ngành, lĩnh vực. Các Bộ, cơ quan trung ương chịu trách nhiệm phân bổ cụ thể cho các chương trình, dự án theo đúng quy định của pháp luật và theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết này;

- Phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Nghị quyết này và các nhiệm vụ chi khác thuộc nghĩa vụ của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật.

### **Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn nước ngoài thuộc ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030**

1. Nguyên tắc phân bổ vốn thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Điều 3 của Nghị quyết này về các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn và các nguyên tắc cụ thể sau đây:

a) Vốn đầu tư công được bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư công của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và phù hợp với Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm;

b) Ưu tiên tập trung bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng điểm, dự án lớn, các dự án tại khoản 6 Điều 3 của Nghị quyết này;

c) Vốn nước ngoài của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Tiêu chí, định mức, cơ cấu phân bổ vốn:

a) Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 cho các dự án chuyển tiếp thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 chuyển sang (bao gồm cả dự án sử dụng vốn nước ngoài có thỏa thuận/hiệp định vay hết thời hạn hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2025 nhưng vẫn còn thời hạn thanh quyết toán theo quy định của nhà tài trợ);

b) Bố trí vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án đã đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công;

c) Mức vốn còn lại (nếu có) để bố trí cho chương trình, nhiệm vụ, dự án phát sinh trong kỳ trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định.

---

và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.

**Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030**

1. Bảo đảm đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện theo chủ trương đầu tư của từng chương trình do Quốc hội quyết định.

**Điều 7. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho Bộ, cơ quan trung ương giai đoạn 2026 - 2030**

1. Đối với vốn trong nước thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị quyết này.

2. Đối với vốn nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.

**Điều 8. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương giai đoạn 2026 - 2030**

1. Nguyên tắc phân bổ vốn trong nước thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này và các nguyên tắc cụ thể sau đây:

a)<sup>4</sup> Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, vùng động lực, cực tăng trưởng với việc ưu tiên vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền trong cả nước;

b) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho địa phương bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả; ưu tiên đầu tư vào các công trình, dự án lớn, có tính liên vùng, liên tỉnh, liên quốc gia, quốc tế, mang tính lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, vùng, quốc gia;

c) Các địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn bổ sung có mục tiêu cho các chương trình, dự án theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết này, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn trong nước:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương được phân bổ cho dự án có quy mô từ nhóm B trở lên (không bao gồm

---

<sup>4</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.

các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia). Trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b)<sup>5</sup> Phân bổ cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực của địa phương trên cơ sở tính điểm theo các tiêu chí sau:

- Tiêu chí dân số: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các địa phương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh);

- Tiêu chí về trình độ phát triển: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu nội địa của địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết), tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương;

- Tiêu chí diện tích: Diện tích đất tự nhiên, diện tích đất trồng lúa, tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương;

- Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã: Số đơn vị hành chính cấp xã; số xã miền núi; xã vùng cao, đặc khu; xã có biên giới đất liền của từng địa phương;

- Các tiêu chí bổ sung, bao gồm:

+ Tiêu chí xã ATK; khu vực chịu tác động của công trình quốc phòng và khu quân sự nhóm đặc biệt; xã đặc biệt khó khăn khu vực III;

+ Tiêu chí vùng, gồm: các vùng chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu (mưa bão, sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng...);

+ Tiêu chí ưu tiên theo các Nghị quyết của Quốc hội.

3. Đối với vốn nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.

### **Điều 9. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương**

1. Được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

2.<sup>6</sup> Tập trung đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên tỉnh, liên xã. Đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao; bảo đảm không dàn trải, manh mún.

<sup>5</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.

<sup>6</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.

3. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo chủ trương đầu tư được duyệt hoặc cam kết đối với chương trình, dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư.

4. Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2026 được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước, dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có), phù hợp với định hướng, mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2026; kết quả thực hiện dự toán ngân sách của địa phương giai đoạn 2021 - 2025, ước thực hiện năm 2025.

5. Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương từ năm 2027 đến năm 2030 được xác định từng năm trên cơ sở tốc độ tăng trưởng bình quân 05 năm vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương so với vốn đầu tư công năm 2026 (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết).

### **Chương III**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH<sup>7</sup>**

##### **Điều 10. Trách nhiệm của Chính phủ**

1. Tổ chức và chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết này theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Trong trường hợp bổ sung hoặc sửa đổi các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 ngoài các quy định tại Nghị quyết này, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

##### **Điều 11. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ**

1. Quy định chi tiết định mức phân bổ đối với từng tiêu chí, các mốc thời gian, cơ quan cung cấp số liệu làm căn cứ để xác định vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương trong giai đoạn 2026 - 2030; xác định tốc độ tăng trưởng bình quân 05 năm vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương so với vốn đầu tư công năm 2026.

---

<sup>7</sup> Điều 2 của Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2026 quy định như sau:

**“Điều 2. Hiệu lực thi hành**

*Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua và áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026 - 2030.”.*

2. Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 được cấp có thẩm quyền giao, quy định tại Nghị quyết này, Thủ tướng Chính phủ quyết định cụ thể nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm, bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Quy định chi tiết nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Chương II của Nghị quyết và tổ chức triển khai Nghị quyết này.

### **Điều 12. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 và áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026 - 2030.

### **Điều 13. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết**

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**VĂN PHÒNG QUỐC HỘI**

Số: 95/VBHN-VPQH

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

**CHỦ NHIỆM**

**Lê Quang Mạnh**